

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 280, Điều 320, Điều 463, khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B (BV B1).

Địa chỉ trụ sở chính: tòa nhà H, số D N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Quang T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình A - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý và thu hồi nợ.

Đại diện theo ủy quyền lại: ông Bùi Xuân T1, sinh ngày 21/3/1991.

Nơi thường trú: tổ F khu T phường H, thành phố H , tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ F khu T phường H, tỉnh Quảng Ninh)

Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ hiện trường.

Địa chỉ liên hệ: số B T, phường H, tỉnh Quảng Ninh

Bị đơn: ông Đào Văn Q, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1980; cùng nơi cư trú: phố L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Tính đến hết ngày 19/8/2025, ông Đào Văn Q và bà Phạm Thị H còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng số tiền là: 4.118.247.730 đồng (trong đó: nợ gốc là 3.295.880.000 đồng; lãi quá hạn là 822.367.730 đồng) theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số: 0952200002100 ký ngày 26/7/2022 giữa bên cho vay là Ngân hàng Thương mại cổ phần B (BV B1) với bên vay là ông Đào Văn Q và bà Phạm Thị H.

Ngân hàng TMCP B và ông Đào Văn Q, bà Phạm Thị H thỏa thuận thống nhất:

Ông Đào Văn Q và bà Phạm Thị H có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng TMCP B theo phương án sau:

- Lần 1: đến ngày 20/9/2025, ông Q và bà H phải trả cho BV B1 số tiền 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng).

- Lần 2: đến ngày 20/10/2025, ông Q và bà H phải trả cho BV B1 số tiền 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng).

- Lần 3: đến ngày 20/11/2025, ông Q và bà H phải tất toán toàn bộ số tiền nợ còn lại là 4.048.247.730 đ (bốn tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi đồng) và số tiền phát sinh đến ngày khách hàng tất toán.

Nếu ông Đào Văn Q và bà Phạm Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo phương án trả nợ như đã nêu trên thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay trên để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp: toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà, công trình xây dựng khác, rừng trồng, vườn cây, các tài sản khác gắn liền với đất (kể cả trường hợp tài sản này hình thành trong tương lai) tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 43, diện tích: 712,0 m²; địa chỉ thửa đất: thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn B, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh) thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Đào Văn Q và bà Phạm Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CT 939998, số vào sổ cấp GCN: CH 01004 do UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/12/2021, cập nhật chuyển nhượng cho ông Đào Văn Q, bà Phạm Thị H ngày 20/01/2022. Tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng TMCP B theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0952200002200 ngày 26/7/2022, số công chứng: 8358 do Văn phòng C chứng nhận ký kết giữa Ngân hàng TMCP B với ông Đào Văn Q và bà Phạm Thị H; tài sản trên đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ chứng nhận đăng ký thế chấp.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại Ngân hàng TMCP B thì ông Đào Văn Q và bà Phạm Thị H vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả hết số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP B.

Kể từ ngày 20/8/2025 (ngày tiếp theo của ngày các đương sự thỏa thuận), ông Q và bà H vẫn phải chịu tiền lãi suất theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số: 0952200002100 ngày 26/7/2022 giữa Ngân hàng TMCP B với ông

Đào Văn Q và bà Phạm Thị H cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của BV B1 thì lãi suất mà ông Đào Văn Q và bà Phạm Thị H phải tiếp tục thanh toán cho BV B1 theo Quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của BV B1.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tòa án nhân dân khu vực 4- Quảng Ninh đã chi chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 8.300.000 đ (tám triệu ba trăm nghìn đồng). Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã nộp số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ông Đào Văn Q, bà Phạm Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 8.300.000 đ (tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền 8.300.000 đ (tám triệu ba trăm nghìn đồng) phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3. Về án phí:

Ông Đào Văn Q, bà Phạm Thị H tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 56.059.124 đ (năm mươi sáu triệu, không trăm năm chín nghìn, một trăm hai mươi bốn đồng).

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 28.000.000 đ (hai mươi tám triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004688 ngày 04/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực IV – Quảng Ninh).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 4;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

Phan Hùng

